TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2017
Về tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

Ông Nguyễn Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 34/2017/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, biên bản hòa giải ngày 07/11/2017 nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày: Năm 1988, bà và ông H chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, hai người có thời gian hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1989 và Lê Thị Thu N, sinh năm 1992 đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cải vả nhau, nên hai người sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay.

Nay, Bà L yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh H.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1989 và Lê Thị Thu N, sinh năm 1992, đã thành niên và sống tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 07/11/2017, ông Lê Minh H trình bày: Thống nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, nợ chung, tài sản chung như bà L trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị L và ông Lê Minh H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên vi phạm vào Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Cụ thể tại Điều 9 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý" Điều 14 quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng…" quan hệ hôn nhân của ông, bà là không hợp pháp, nên pháp luật không công nhận ông, bà là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Đỗ Thị L và ông Lê Minh H cùng thống nhất có 02 con chung tên Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1989 và Lê Thị Thu N, sinh năm 1992, đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 228, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị L và ông Lê Minh H là vợ chồng.

Về con chung: Bà Đỗ Thị L và ông Lê Minh H cùng thống nhất có 02 con chung tên Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1989 và Lê Thị Thu N, sinh năm 1992, đã thành niên và sống tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Bà Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011680 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long